

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số: **Thực hiện quyền an sinh xã hội của người dân thông qua hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam hiện nay.**

Mã số: KX.01.36/16-20

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình): Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KX.01/16-20 “*Nghiên cứu những vấn đề trọng yếu về khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội*”

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

- Làm rõ cơ sở lý luận về thực hiện quyền an sinh xã hội của người dân thông qua hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam hiện nay

- Đánh giá thực trạng thực hiện quyền an sinh xã hội của người dân thông qua hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam hiện nay

- Đề xuất giải pháp phát triển hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp thực hiện quyền an sinh xã hội của người dân

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Nguyễn Hồi Loan

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Tổng kinh phí thực hiện: 2.950 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 2.950 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng: 24 tháng



Bắt đầu: Tháng 6/2018

Kết thúc: Tháng 5/2020

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Cơ quan công tác
1	PGS.TS. Nguyễn Hồi Loan	Chủ nhiệm đề tài	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
2	PGS.TS. Nguyễn Thị Thái Lan	Thư ký đề tài	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
3	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa	Thành viên chính	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
4	TS. Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên chính	Viện Nghiên cứu An sinh xã hội và Phát triển hòa nhập
5	PGS.TS. Trịnh Văn Tùng	Thành viên chính	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
6	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên chính	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
7	PGS.TS. Hoàng Văn Nghĩa	Thành viên chính	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
8	TS. Bùi Tôn Hiến	Thành viên chính	Trường Đại học Lao động Xã hội
9	TS. Mai Linh	Thành viên chính	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
10	TS. Nguyễn Văn Hồi	Thành viên chính	Cục Bảo trợ xã hội

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về sản phẩm khoa học

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành

TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1. Dạng I: Báo cáo khoa học										
1	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu		X			X			X	
2	Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu		X			X			X	
3	Báo cáo kiến nghị		X			X			X	
Dạng 2: Sản phẩm trung gian										

1	Báo cáo chất lượng kết quả và báo cáo giữa kỳ		X			X			X	
2	03 Kỷ yếu Hội thảo Khoa học		X			X			X	
3	Báo cáo khoa học của từng nội dung		X			X			X	
Dạng 3: Bài báo, sách chuyên khảo và các sản phẩm khác										
1	03 sách chuyên khảo	X			X			X		
2	08 bài báo	X			X			X		
3	Tham gia đào tạo sau đại học: Hỗ trợ 03 nghiên cứu sinh, 05 học viên cao học	X			X			X		

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Báo cáo kiến nghị	Năm 2020	Cục Bảo trợ xã hội, Bộ Lao động Thương binh xã hội	
2	Báo cáo kiến nghị	Năm 2020	Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội	

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ

Quyền ASXH là một trong những quyền cơ bản của con người mà mỗi quốc gia đều cần hướng tới thực hiện nhằm phòng ngừa, bảo vệ, giảm thiểu rủi

ro cho các thành viên xã hội. Xây dựng, hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình thực hiện quyền ASXH dựa trên nguyên tắc chia sẻ trách nhiệm và công bằng xã hội, là một trong những chỉ báo quan trọng của một xã hội phát triển trong điều kiện nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế theo xu thế toàn cầu hoá.

Trong bối cảnh phát triển của xã hội hiện nay, Việt Nam được đánh giá là một nền kinh tế năng động, có nhiều triển vọng phát triển và tiếp tục lan toả, khởi sắc trong thời gian tới. Nền kinh tế vừa tuân thủ quy luật của thị trường, vừa tuân thủ các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Điểm dung hòa của quy luật thị trường và mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đó là nâng cao mức sống nhân dân, duy trì mức độ chênh lệch về thu nhập ở ngưỡng an toàn, thành quả của tăng trưởng kinh tế cần được phân bổ cho đa số,... thông qua các chính sách đảm bảo thực hiện quyền ASXH.

Một là, Đề tài tìm hiểu quyền được thụ hưởng của người dân thông qua 5 nhóm cơ bản, đó là: (1) Quyền học nghề và việc làm; (2) Quyền bảo vệ và chăm sóc sức khỏe; (3) Quyền về tiếp cận giáo dục cơ bản; (4) Quyền nuôi dưỡng và chăm sóc tại cộng đồng; (5) Quyền về hỗ trợ khẩn cấp khi gặp biến cố bất ngờ.

Hai là, việc thực hiện quyền ASXH theo 5 quyền cơ bản thông qua hoạt động CTXH chuyên nghiệp được các nhân viên CTXH chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp can thiệp, hỗ trợ thực tế bằng các biện pháp, hình thức khác nhau như: Tuyên truyền chính sách, tư vấn chính sách, biện hộ chính sách, hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ chính sách và kết nối nguồn lực hỗ trợ. Điều này cho phép đánh giá vai trò, tính chuyên nghiệp và so sánh sự tương đồng trong hoạt động trợ giúp của các nhân viên CTXH chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp.

Ba là, kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động cung cấp dịch vụ CTXH chuyên nghiệp của nhân viên CTXH là một trong những nhân tố quan trọng giúp người dân thực hiện những quyền cơ bản về ASXH nêu trên. Nhìn chung tính chuyên nghiệp của hoạt động CTXH trong việc hỗ trợ thực hiện quyền về ASXH của người dân dần được nâng cao và đang ngày càng phát huy trong thực tế, được người dân tin tưởng và đón nhận.

Bốn là, nhu cầu cần trợ giúp của người dân là cơ sở để nhân viên CTXH can thiệp trợ giúp và đây là một trong những nhân tố quan trọng giúp người dân thực hiện quyền về ASXH thông qua hoạt động CTXH chuyên nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhu cầu của người dân cần được hỗ trợ thực hiện quyền ASXH là rất lớn, nhất là về dạy nghề và việc làm, về bảo vệ và CSSK, về tiếp cận giáo dục cơ bản, về nuôi dưỡng và chăm sóc tại cộng đồng. Trên thực tế, Nhân viên CTXH đã thể hiện vai trò tích cực trong hỗ trợ thực hiện quyền về ASXH thể hiện ở nhận thức, hiểu biết của người dân sau khi được nhân viên CTXH tư vấn đã được nâng cao rõ rệt; Tỷ lệ hỗ trợ thành công từ các chính sách, chương trình ASXH rất cao (đáp ứng khoảng 2/3 nhu cầu).

Năm là, đánh giá tổng thể thực hiện quyền ASXH của người dân thông qua hoạt động CTXH chuyên nghiệp về cơ bản là tích cực, đem lại kết quả khá ấn tượng được người dân tin tưởng. Tuy nhiên, cũng bộc lộ những bất cập, điểm yếu:

- Thực tế đòi hỏi phải có sự cân đối giữa nhu cầu của người dân và khả năng cung cấp dịch vụ có tính chuyên nghiệp của nhân viên CTXH. Song năng lực cung cấp dịch vụ CTXH của nhân viên CTXH còn có khoảng trống đáng kể giữa nhu cầu rất lớn và có xu hướng tăng của người dân trong khi khả năng cung cấp dịch vụ này của nhân viên CTXH còn hạn chế, tỷ lệ bỏ sót đối tượng khoảng 1/3.

- Kỹ năng hoạt động CTXH chuyên nghiệp có những hạn chế, bất cập chủ yếu là ở sự can thiệp, hỗ trợ thực tế mới dừng lại áp dụng phổ biến bằng các biện pháp, hình thức giản đơn như tuyên truyền chính sách và tư vấn chính sách; Chưa áp dụng nhiều các biện pháp, hình thức có tính chuyên nghiệp cao hơn như biện hộ chính sách, hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ chính sách và kết nối nguồn lực hỗ trợ...Đó là những kỹ năng đòi hỏi trình độ và tính chuyên nghiệp cao.

- Sự tương đồng trong việc vận dụng các biện pháp đòi hỏi kỹ năng trình độ cao của hoạt động CTXH giữa ba nhóm nhân viên CTXH (chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp) về cơ bản ưu thế thuộc về nhóm nhân viên CTXH chuyên nghiệp nhưng chưa thật vượt trội so với 2 nhóm còn lại là nhân viên CTXH bán chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp trong khi nhân

viên CTXH chuyên nghiệp thường được đào tạo phát triển kỹ năng CTXH bài bản và ở cấp trình độ cao hơn.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ

3.1. Hiệu quả kinh tế

Đối tượng được thụ hưởng quyền trợ giúp xã hội liên tục tăng, đến năm 2019 có hơn 2,041 triệu người được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên; hàng năm, cứu trợ đột xuất cho từ 1-1,5 triệu người gặp rủi ro do thiên tai, mất mùa, biến đổi khí hậu và nước biển dâng ... để ổn định cuộc sống, giảm thiểu thiệt hại về người và của.

Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại và thách thức đặt ra trong thực hiện quyền ASXH cho người dân, theo đó, Mô hình đảm bảo quyền ASXH còn chưa hoàn chỉnh, thiếu tính hệ thống gắn kết nhau, chính sách thực thi quyền ASXH vẫn còn những bất hợp lý; mức độ bao phủ của chính sách đảm bảo quyền ASXH còn thấp và chất lượng cung cấp dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu của người dân. Tỷ lệ thất nghiệp, nhất là của thanh niên còn cao gấp 3 lần tỷ lệ thất nghiệp chung (6,7% so với 2,31 % của năm 2015). Tỷ lệ lao động tham gia BHXH mới chiếm khoảng 30% lực lượng lao động xã hội; hơn 20% lao động trong diện BHXH bắt buộc chưa tham gia. Kết quả giảm nghèo chưa vững chắc; tỷ lệ hộ thoát nghèo nhưng nằm sát chuẩn nghèo rất lớn (70-80%), chỉ cần gặp rủi ro là rơi lại vào diện nghèo; tỷ lệ tái nghèo còn cao (7-10%); phân hóa giàu nghèo có xu hướng gia tăng (chênh lệch thu nhập giữa nhóm 20% dân số giàu nhất và nhóm 20% dân số nghèo nhất gấp 9,7 lần vào năm 2014, đến năm 2018 tăng lên 10 lần). Đối tượng được TGXH mới chiếm gần 3 % dân số. Nguồn lực cho thực hiện quyền ASXH còn hạn chế, dưới 1% GDP, mức độ xã hội hóa chưa cao, tỷ lệ chăm sóc đối tượng dựa vào cộng đồng chưa nhiều, chủ yếu vẫn là nguồn lực của Nhà nước.

Việc thực hiện quyền An sinh xã hội của người dân thông qua hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam hiện nay là hết sức cần thiết. Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần vào tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng, tạo đồng thuận xã hội, ổn định chính trị, củng cố an ninh, quốc phòng.

3.2. Hiệu quả xã hội

Thực tế trên cho thấy còn nhiều nhóm đối tượng “lọt lưới” hoặc bị loại khỏi hệ thống chính sách đảm bảo quyền ASXH và có nguy cơ bản cứng hoá nếu không có các biện pháp trợ giúp. Bản chất nhân đạo và nhân văn của chủ nghĩa xã hội là tạo cho được nguyên lý công bằng xã hội. Đó không chỉ là công bằng về phân phối lợi ích mà sâu xa là cơ hội để thực hiện công bằng xã hội. Thực hiện nguyên lý công bằng để khắc phục tính hai mặt của phân hóa giàu nghèo, hướng tới một xã hội đồng thuận, hợp tác, trong đó mọi người, đặc biệt là các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương cùng được tôn trọng, có điều kiện và cơ hội như nhau trong mưu cầu lợi ích chung, cùng được tham gia vào mọi phương diện của hoạt động và thụ hưởng quyền ASXH thông qua các hoạt động CTXH chuyên nghiệp. Đây được coi là một phương thức hữu hiệu góp phần đảm bảo công bằng xã hội, cũng như tính nhân đạo và nhân văn của chủ nghĩa xã hội.

Mặc dù đã có nhiều chương trình rộng lớn hướng tới thực hiện quyền ASXH của người dân bằng cách tập trung giải quyết vấn đề trợ giúp cho những nhóm xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; nhiều đề tài cấp quốc gia và dự án đang được thực thi có nội dung gắn với những khía cạnh khác nhau của vấn đề TGXH cho các nhóm yếu thế, bị thiệt thòi, tìm ra các phương hướng, giải pháp cả về cơ chế, chính sách, kinh tế, văn hoá, giáo dục... nhằm đưa tới những hiệu quả xã hội là nâng cao chất lượng sống cho con người, tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển xã hội. Tuy nhiên, chưa có chương trình, đề án nào tập trung vào giải quyết vấn đề đảm bảo quyền ASXH của người dân thông qua các hoạt động CTXH chuyên nghiệp. Trong khi đó, CTXH chuyên nghiệp được coi là cánh tay nối dài của ASXH, đưa chế độ thuộc quyền ASXH đến với các nhóm xã hội và ngược lại.

Thực tế, các hoạt động CTXH chuyên nghiệp đã được du nhập vào Việt Nam từ những năm 1940 khi dòng tu Vinh Sơn thành lập Trường cán sự xã hội Caritas. Tuy nhiên, do ảnh hưởng từ bối cảnh thực tiễn của xã hội Việt Nam nên các hoạt động đào tạo này không tiếp tục phát triển. Thực tế này tạo ra “khoảng trống” phát triển nghề CTXH tại Việt Nam. Chỉ đến năm 2004, Bộ Giáo dục và

Đào tạo mới ra Quyết định số 35/2004/QĐ-BGDĐT về việc “*ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Công tác Xã hội trình độ đại học, cao đẳng*” và đến năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg về “*Phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 – 2020*” các hoạt động CTXH chuyên nghiệp mới bắt đầu có được hành lang pháp lý cho việc hình thành và phát triển hướng tới trợ giúp các nhóm xã hội thực hiện quyền ASXH theo quy định của chính sách.

Kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới như Mỹ, Thụy Điển, Nhật Bản, Hàn Quốc, Phillipines, Trung Quốc,... đều cho thấy hoạt động CTXH chuyên nghiệp góp phần nâng cao phúc lợi và hạnh phúc của người dân, đảm bảo an toàn cho xã hội, thúc đẩy sự phát triển con người bền vững, cũng như góp phần giảm thiểu số đối tượng không được thực hiện quyền ASXH.

Như vậy, thực tiễn trên có nghĩa, đối với mọi quốc gia trong tiến trình phát triển hướng tới mục tiêu công bằng, bình đẳng, dân chủ, đặc biệt là trong tiến trình phát triển ở nước ta thì việc triển khai nghiên cứu đề tài “**Thực hiện quyền an sinh xã hội của người dân thông qua hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam hiện nay**” là rất cần thiết, có tính cấp bách, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc nhằm nâng cao cơ hội thực hiện quyền ASXH có hiệu quả cho mọi công dân.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Giải thích lý do:

- 4/7 thành viên Hội đồng cấp cơ sở đánh giá mức “Xuất sắc” và 3/7 thành viên Hội đồng đánh giá mức “Đạt”.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)

PGS.TS. Nguyễn Hồi Loan

THỦ TRƯỞNG

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Quang Minh

